

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN THANH HÀ
Số : 02/BBCK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị trấn, ngày 08 tháng 01 năm 2023

BIÊN BẢN

NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH 2023

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ- HĐND ngày 31/12/2022 của HĐND tt Thanh Hà về dự toán ngân sách và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ- HĐND ngày 31/12/2022 của HĐND tt Thanh Hà về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023;

1. Thời gian: Hôm nay, vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 08/ 01 /2023 UBND Thị trấn Thanh Hà tiến hành niêm yết công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2023.

2. Địa điểm: Tại phòng họp UBND thị trấn.

3. Thành phần;

Ông Trần Văn Tuấn - Phó Bí thư Đảng ủy - CT UBND Thị trấn;
Ông Nguyễn Văn Phong - Phó bí thư Đảng ủy - Chủ tịch HĐND tt ;
Ông Nguyễn Văn Thiết - Phó CT HĐND tt;
Ông Phạm Văn Chiến - Phó CT UBND tt;
Bà Nguyễn Thu Hằng - CT MTTQtt;
Ông Cao Văn Đại - Văn Phòng UBND - HĐND
Ông Nguyễn Mạnh Toàn - CB Tài chính - Kế toán tt;

4. Nội dung làm việc:

- Ông Trần Văn Tuấn - Phó Bí thư ĐU- CT UBND thị trấn thông qua văn bản công khai theo thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của bộ tài chính hướng dẫn cụ thể thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

- Thông báo các nội dung công khai:

Công khai dự toán thu ,chi năm 2023, kế hoạch đầu tư công năm 2023.

- Hình thức công khai:

Niêm yết tại trụ sở làm việc.

- Địa điểm, thời gian niêm yết:

Niêm yết tại phòng 1 của UBND thị trấn thanh Hà.

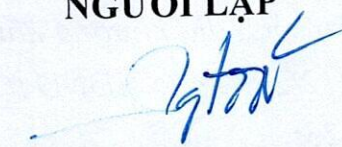
Thời gian niêm yết từ ngày 08/01/2022 đến ngày 04/04/2023, kết thúc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành niêm yết.

5. Yêu cầu :

Tất cả cán bộ, công chức, CB KCT xem bảng niêm yết các nội dung công khai, nếu có điều gì thắc mắc sẽ phản ánh về Cán bộ Tài chính hoặc Chủ tịch UBND thị trấn Thanh Hà.

Biên bản lập xong hồi 9h 00 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua.

NGƯỜI LẬP



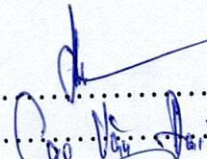
Nguyễn Mạnh Toàn

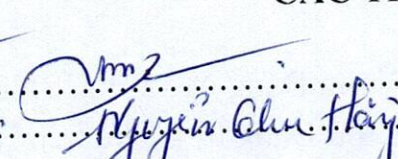


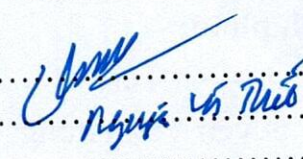
CHỦ TỊCH

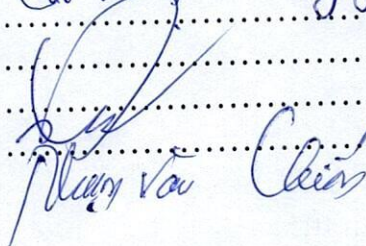
Trần Văn Tuấn

CÁC THÀNH VIÊN

 Cao Văn Đại

 Nguyễn Văn Hùng

 Nguyễn Văn Tuấn

 Nguyễn Văn Chiến

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2023
của UBND thị trấn Thanh Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN THANH HÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30/12/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Thanh Hà về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 30/12/2023 của Hội đồng nhân dân thị trấn Thanh Hà về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách năm 2023;

Xét đề nghị của cán bộ Tài chính- Kế toán thị trấn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 và kế hoạch đầu tư công năm 2023 của thị trấn Thanh Hà .

(theo các biểu kèm theo Quyết định này).

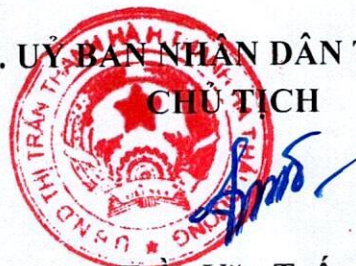
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND-HĐND, kế toán ngân sách, tổ chức thực hiện theo quyết định này.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy thị trấn;
- HĐND thị trấn;
- Cơ quan của các đoàn thể ở thị trấn;
- Các trường khu dân cư thị trấn;
- Lưu: VT,....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Tuấn





UBND THỊ TRẤN THANH HÀ

Biểu số 103/CK TC-NSNN

CÂN ĐỔI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.774.894.000	TỔNG SỐ CHI	6.774.894.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	144.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.500.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.353.000.000	II. Chi thường xuyên	5.149.894.000
III. Thu bổ sung	4.277.894.000	III. Dự phòng	125.000.000
- Bổ sung cân đối	4.277.894.000		
- Bổ sung có mục tiêu	0.000		
IV. Thu chuyển nguồn	0.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã





DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2022 (năm hiện hành)		Dự toán năm 2023		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
		1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
A	B						
	TỔNG THU	24.946.811.281	24.946.808.281	6.774.894.000	6.774.894.000	27,16	27,16
I	Các khoản thu 100%	80.586.900	80.583.900	144.000.000	144.000.000	178,69	178,70
	Phí, lệ phí	10.086.000	10.086.000	12.000.000	12.000.000	118,98	118,98
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	23.237.900	23.237.900	90.000.000	90.000.000	387,30	387,30
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	46.228.000	46.228.000				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	1.005.000	1.005.000			0,00	0,00
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo						
	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	30.000	27.000	42.000.000	42.000.000	14000,00	15555,56
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.551.177.173	2.551.177.173	2.353.000.000	2.353.000.000	92,23	92,23
1	Các khoản thu phân chia	1.066.485.431	1.066.485.431	663.000.000	663.000.000	62,17	62,17
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	710.730.894	710.730.894	384.000.000	384.000.000	54,03	54,03
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	33.600.000	33.600.000	29.000.000	29.000.000	86,31	86,31
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	322.154.537	322.154.537	250.000.000	250.000.000	77,60	77,60
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.484.691.742	1.484.691.742	1.690.000.000	1.690.000.000	113,83	113,83
	- Thuế thu nhập cá nhân	70.180.177	70.180.177	65.000.000	65.000.000	92,62	92,62
	- Thu tiền sử dụng đất	1.314.520.000	1.314.520.000	1.500.000.000	1.500.000.000	114,11	114,11
	- Thuế giá trị gia tăng	99.991.565	99.991.565	125.000.000	125.000.000	125,01	125,01
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	681.926.549	681.926.549			0,00	0,00
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	4.886.459	4.886.459			0,00	0,00
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	21.628.234.200	21.628.234.200	4.277.894.000	4.277.894.000	19,78	19,78
	- Thu bổ sung cân đối	3.484.426.000	3.484.426.000	4.277.894.000	4.277.894.000	122,77	122,77
	- Thu bổ sung có mục tiêu	18.143.808.200	18.143.808.200				





UBND THỊ TRẤN THÀNH HÀ

Biểu số 105/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2022 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2023			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	15.066.204	11.311.435	3.754.769	6.774.894	1.500.000	5.274.894	44,97	13,26	140,49
	Trong đó									
1	Chi dân quân tự vệ	324.495		324.495	300.603		300.603	92,64		92,64
2	Chi an ninh trật tự	131.804		131.804	318.270		318.270	241,47		241,47
3	Chi giáo dục	1.311.435	1.311.435		1.528.000	1.500.000	28.000			
4	Chi văn hóa, thông tin	23.011		23.011	33.500		33.500	145,58		145,58
5	Chi SN y tế	0.000		0.000	28.305		28.305			
6	Chi phát thanh, truyền thanh	31.804		31.804	41.350		41.350	130,02		130,02
7	Chi SN thể dục thể thao	41.392		41.392	19.500		19.500	47,11		47,11
8	Chi bảo vệ môi trường	0.000		0.000	35.000		35.000			
9	Chi các hoạt động kinh tế	52.213		52.213	64.000		64.000	122,57		122,57
	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	12.712.510	10.000.000	2.712.510	3.838.307		3.838.307	30,19	13,26	141,5
11	Chi cho công tác xã hội	437.540		437.540	443.059		443.059	101,26		101,26
12	Chi khác	0.000		0.000	0.000					
13	Chi dự phòng	63.000		63.000	125.000		125.000	198,41		198,41





DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN(1) NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/11/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/11/2022	Dự toán năm 2023				
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
								Nguồn cân đối ngân sách	Đất dự án, cấp trên hỗ trợ	
TỔNG SỐ		13.682	0.000	12.663	10.341	1.500	1.500	1.500	0.000	
1. Công trình chuyển tiếp		13.682	0.000	12.663	10.341	1.500	1.500	1.500	-	
Nhà Hiệu Bộ THCS Thị Trấn	2011	2.157		1.908	1.701	207	207	207		
Nhà bếp 2 tầng (Số 2) Trường MIN thị trấn	2019	3.149		2.534	1.500	212	212	212		
Nhà lớp học 214p trường MIN thị trấn (số 3)	2019	6.611		6.611	6.140	471	471	471		
Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường MIN (Số 4) giai đoạn 2	2017	1.765		1.610	1.000	610	610	610		

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh





UBND THỊ TRẤN THANH HÀ

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2019

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.774.894.000	TỔNG SỐ CHI	6.774.894.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	144.000.000	I. Chi đầu tư phát triển	1.500.000.000
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	2.353.000.000	II. Chi thường xuyên	5.149.894.000
III. Thu bổ sung	4.277.894.000	III. Dự phòng	125.000.000
- Bổ sung cân đối	4.277.894.000		
- Bổ sung có mục tiêu	0.000		
IV. Thu chuyển nguồn	0.000		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2018	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	6.774.894.000	6.774.894.000
I	Các khoản thu 100%	144.000.000	144.000.000
	Phí, lệ phí	12.000.000	12.000.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	90.000.000	90.000.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định nước theo quy định		
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
	Thu khác	42.000.000	42.000.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	2.353.000.000	2.353.000.000
1	Các khoản thu phân chia	663.000.000	663.000.000
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	384.000.000	384.000.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	29.000.000	29.000.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	250.000.000	250.000.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	1.690.000.000	1.690.000.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	65.000.000	65.000.000
	- Thuế tiền sử dụng đất	1.500.000.000	1.500.000.000
	- Thuế giá trị gia tăng	125.000.000	125.000.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.277.894.000	4.277.894.000
	- Thu bổ sung cân đối	4.277.894.000	4.277.894.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2023**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2023		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	6.774.894.000	1.500.000.000	5.274.894.000
	Trong đó:			
1	Chi dân quân tự vệ	300.603.000		300.603.000
2	Chi an ninh trật tự	318.270.000		318.270.000
3	Chi Sn giáo dục	1.528.000.000	1.500.000.000	28.000.000
4	Chi văn hóa, thông tin	33.500.000		33.500.000
5	Chi phát thanh, truyền thanh	41.350.000		41.350.000
6	Chi SN Y tế	28.305.000		28.305.000
7	Chi SN thể dục thể thao	19.500.000		19.500.000
8	Chi bảo vệ môi trường	35.000.000		35.000.000
9	Chi các hoạt động kinh tế	64.000.000		64.000.000
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	3.838.307.000		3.838.307.000
11	Chi cho công tác xã hội	443.059.000		443.059.000
12	Chi khác	0.000		0.000
13	Chi dự phòng	125.000.000		125.000.000





DỰ TOÁN CHI DẦU TƯ PHÁT TRIỂN(1) NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/11/2022	Giá trị đã thanh toán đến 31/11/2022	Dự toán năm 2023				
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn		
								Nguồn cân đối ngân sách	Đất dự án, cấp trên hỗ trợ	
TỔNG SỐ		13.682	0.000	12.663	10.341	1.500	1.500	1.500	0.000	-
1. Công trình chuyển tiếp		13.682	0.000	12.663	10.341	1.500	1.500	1.500		
Nhà Hiệu Bộ THCS Thị Trấn	2011	2.157		1.908	1.701	207	207	207		
Nhà bếp 2 tầng (Số 2) Trường M/N thị trấn	2019	3.149		2.534	1.500	212	212	212		
Nhà lớp học 24p trường M/N thị trấn (số 3)	2019	6.611		6.611	6.140	471	471	471		
Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường M/N (Số 4) giai đoạn 2	2017	1.765		1.610	1.000	610	610	610		

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh





DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THỊ TRẤN NĂM 2023

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	Tổng chi (I+II+III)	6.774.894.000	
I	Chi đầu tư phát triển	1.500.000.000	
1	Chi xây dựng cơ bản	1.500.000.000	
1	Nhà Hiệu Bộ THCS Thị Trấn	207.000.000	
2	Nhà bếp 2 tầng (Số 2) Trường MN thị trấn	212.000.000	
3	Nhà lớp học 2t4p trường MN thị trấn (số 3)	471.000.000	
4	Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng trường MN (Số 4) giai đoạn 2	610.000.000	
II	Chi thường xuyên (1+2+3+...+26)	5.149.894.000	
1	Chi Quốc phòng	300.603.000	
1,1	Chi lương, phụ cấp, BH, KPCĐ, CTP	238.553.000	
1,2	Diễn tập phòng thủ	25.000.000	
1,3	Chi tuyển quân	17.500.000	
1,4	Báo (387,500đ/Quý)	1.550.000	
1,5	Chi khác (HN, VPP, trực lễ tết,)	18.000.000	
2	Chi an ninh trật tự	318.270.000	
1,1	Chi phụ cấp, BH,	160.920.000	
1,2	Phụ cấp dân phòng	122.850.000	(Đội trưởng = $(3,250,000 \times 0,2 \times 9$ khu)Đội Phó = $(3,250,000 \times 1,5 \times 9$
1,3	Phòng cháy chữa cháy, phòng chống pháo nổ	15.000.000	
1,4	Thực hiện khu dân cư AT về ANTT	4.500.000	0,5 tr/khu
1,5	Đề án làng an toàn	1.500.000	
1,6	Chi thường xuyên (tăng cường trực, HN, VPP ...)	18.000.000	
3	SN văn Hóa	33.500.000	
1,1	Chi thường xuyên	20.000.000	
1,2	Hỗ trợ hoạt động khu dân cư	13.500.000	1,5tr/khu
4	SN Giáo dục	28.000.000	
5	SN truyền thanh	41.350.000	
1,1	Phụ cấp	36.350.000	
1,2	Chi hoạt động thường xuyên	5.000.000	
6	SN thể dục thể thao	19.500.000	
1,1	Chi thường xuyên	15.000.000	
1,2	Hỗ trợ hoạt động khu dân cư	4.500.000	0,5 tr/khu
7	Chi sự nghiệp giao thông	32.000.000	
8	Chi SN nông, lâm, thủy lợi	32.000.000	
1,1	Phụ cấp, BH	20.000.000	
1,2	Hỗ trợ BCD diệt chuột	1.000.000	
1,3	Chi khác	11.000.000	

9	Chi SN Y tế	28.355.000	
10	Chi SN Môi trường	35.000.000	
11	Chi Hưu xã và trợ cấp xã hội	340.279.000	
1.1	Trợ cấp cán bộ già yếu nghỉ việc + BHYT	340.279.000	
12	Chi Thực hiện C/s người có công với CM	52.730.000	
1.1	Chi hoạt động, chi thăm hỏi	33.000.000	
1.2	Cải thiện ma túy tại cộng đồng	10.730.000	
1.3	KP chúc thọ tại KDC (1tr/KDC)	9.000.000	
13	Chi Hội đồng nhân dân	218.000.000	
1.1	Lương, phụ cấp, BH, KPCĐ	158.000.000	
1.2	Hội nghị, tổng kết, khen thưởng, chi #	60.000.000	
14	Chi Quản lý NN	1.738.463.000	1.956.463.000
1.1	Lương, phụ cấp, BH, HĐ, Công tác phí, KPCĐ	1.115.813.000	
1.2	Tăng cường cơ sở vật chất, các nhiệm vụ khác phát sinh (trong đó ưu tiên bố trí hoàn thiện hệ thống họp trực tuyến và cơ sở vật chất bộ phận 1 cửa xã)	150.000.000	Trong đó cơ sở vật chất phòng 1 cửa (90.000.000đ)
1.3	Nâng cấp, gia hạn các phần mềm	18.000.000	
1.4	Kinh phí thực hiện đề án 06	10.000.000	
1.5	Kp duy trì hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ISO2001	12.000.000	
1.6	Hội nghị,	30.000.000	
1.7	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	18.000.000	
1.8	Vật tư, văn phòng phẩm, chè	60.000.000	
1.9	Khen thưởng	20.000.000	
1.10	Điện, nước	48.000.000	
1.11	Kiểm soát thủ tục hành chính	1.200.000	
1.12	Chi hoạt động tiếp dân	8.000.000	
1.13	Kinh phí xây dựng văn bản pháp luật,	4.000.000	
1.14	Công tác phổ biến GDPL và hòa giải cơ sở	8.000.000	
1.15	Hội đồng xác định mức độ khuyết tật, rà soát hộ nghèo	10.000.000	
1.16	Bồi dưỡng bộ phận tiếp dân bộ phận một cửa	7.200.000	
1.17	Hỗ trợ Khu dân cư làm đường nội đồng, đường trong xóm và hỗ trợ khác	60.000.000	
1.18	Chi khác	87.000.000	
1.19	Tiết kiệm chi thường xuyên	71.250.000	(không được chi)

15	Chi Đảng công sản việt nam	1.003.000.000	
1.1	Lương, phụ cấp, BH, KPCĐ	790.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (Khen thưởng, HN, VPP, điện mạng,...)	50.000.000	
1.3	Chi in ấn,xuất bản sách lịch sử Đảng bộ thị trấn	110.000.000	
1.4	Đại hội chi bộ	35.000.000	
1.5	Hoạt động tổ dân vận khu dân cư	18.000.000	2tr/tổ (khu)
16	Mặt trận tổ quốc	342.000.000	
1.1	Lương, phụ cấp, BH, KPCĐ	235.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (Khen thưởng, HN, VPP...)	9.000.000	
1.3	Giám sát và phản biện	5.000.000	
1.4	Hội Nghị tiếp xúc cử chi	15.000.000	
1.5	Thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, ĐTVM	5.000.000	
1.6	Thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, ĐTVM (khu dân cư)	45.000.000	5tr/khu
1.7	Hỗ trợ chi hội BCT MT khu dân cư	12.000.000	1,2tr/chi hội khu 2,4,6,7,8,9 và 1,6tr/chi hội khu 1,3,5
1.8	Thanh tra nhân dân	8.000.000	
1.9	Giám sát cộng đồng	8.000.000	
17	Chi Người cao tuổi	17.000.000	
1.1	Chi phụ cấp:	12.000.000	
1.2	Chi hoạt động thường xuyên	5.000.000	
18	Chi Đoàn thanh niên CS	154.722.000	
1.1	Lương, phụ cấp, BH, KPCĐ	93.222.000	
1.2	Chi thường xuyên (Khen thưởng, HN, VPP...)	9.000.000	
1.3	Chi hoạt động của các chi đoàn khu dân cư	34.500.000	3tr/chi hội khu 2,4,6,7,8,9 và 4tr/chi hội khu 1,3,5(trưởng các chi hội được thêm 500,000 vào PC /1 năm)
1.4	Hỗ trợ kinh phí hoạt động hè	18.000.000	

19	Chi Hội phụ nữ	140.122.000	
1.1	Lương, phụ cấp, BH, KPCĐ	89.622.000	
1.2	Chi thường xuyên (Khen thưởng, HN, VPP...)	9.000.000	
1.3	Trồng và duy trì các đường hoa	3.000.000	
1.4	kỷ niệm 8/3	2.000.000	
1.5	kỷ niệm 20/10	2.000.000	
1.6	Chi hoạt động các chi hội khu dân cư	34.500.000	3tr/chi hội khu 2,4,6,7,8,9 và 4tr/chi hội khu 1,3,5(trưởng các chi hội được thêm 500,000 vào PC /1 năm)
20	Chi Hội cựu chiến binh	88.500.000	
1.1	Lương, phụ cấp	45.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (Khen thưởng, HN, VPP...)	9.000.000	
1.3	Chi hoạt động các chi hội khu dân cư	34.500.000	3tr/chi hội khu 2,4,6,7,8,9 và 4tr/chi hội khu 1,3,5(trưởng các chi hội được thêm 500,000 vào PC /1 năm)
21	Hội nông dân	153.500.000	
1.1	Chi Lương, phụ cấp, BH	82.000.000	
1.2	Chi thường xuyên (Khen thưởng, HN, VPP...)	9.000.000	
1.3	Chi hoạt động các chi hội khu dân cư	34.500.000	3tr/chi hội khu 2,4,6,7,8,9 và 4tr/chi hội khu 1,3,5(trưởng các chi hội được thêm 500,000 vào PC /1 năm)
1.4	Hoạt động tuyến đường không rác tại KDC	2.000.000	
1.5	Đại hội Nông dân	22.000.000	
1.6	XD mô hình "Nông dân thu gom ,phân loại.xử lý rác thải tại hộ gia đình	2.000.000	
1.7	Hoạt động phong trào SX - KD giỏi	2.000.000	
22	Chi Hội Cựu quân nhân	2.000.000	
1.1	Chi thường xuyên	2.000.000	
23	Chi Hội Cựu thanh niên xung phong	2.000.000	
1.1	Hỗ trợ kinh phí tổ chức hội nghị cựu TN xung phong	2.000.000	

24	Chi Hội chữ thập đỏ	15.000.000	
1.1	Phụ cấp, BH	13.000.000	
1.2	Chi hoạt động thường xuyên	2.000.000	
25	Chi Hội chất độc da cam	14.000.000	
1.1	Chi hỗ trợ	12.000.000	
1.2	Chi hoạt động thường xuyên	2.000.000	
III	Dự phòng	125.000.000	





Số: 02/QĐ-UBND

Ngày 06 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ TRẤN

Căn cứ luật tổ chức chính quyền số 77/2015/QH13 của QH ban hành ngày 19/06/2015;

Căn cứ luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Quyết định số 4010/QĐ-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện Thanh Hà về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Nghị Quyết số 31/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của HĐND thị trấn Thanh Hà khoá XXII kỳ họp thứ 5 về việc phân bổ kế hoạch đầu tư công năm 2023;

Theo đề nghị của Cán bộ Tài chính - Kế toán thị trấn;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2023 thị trấn Thanh Hà. Tổng giao dự toán đầu tư công là : 1.500.000.000 đồng.

(Một tỷ năm trăm triệu đồng chẵn.)

(Chi tiết bảng phân bổ kèm theo)

Điều 2: Căn cứ về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2023. Tổ chức triển khai, thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước hiện hành.

Điều 3. Văn phòng UBND- HĐND; Kế toán và các ban ngành, sự nghiệp, tổ chức có quan thực hiện theo quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng TC huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- Thường trực HĐND ;
- Lưu: VT.



Trần Văn Tuấn



PHÂN BỘ

Don vi: Trđ

[illegible]



ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ TRẤN THANH HÀ

Số : 06 /BBKQCK



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thị trấn, ngày 04 tháng 04 năm 2023

BIÊN BẢN

KẾT QUẢ NIÊM YẾT CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH 2023

- Căn cứ biên bản công khai dự toán ngân sách năm 2022, lập ngày 03/01/2023

1. Thời gian: Hôm nay, vào hồi 14 giờ 00 phút, ngày 04/ 04 /2023 UBND Thị trấn Thanh Hà tiến hành đánh giá kết quả niêm yết công khai quyết toán toán thu, chi ngân sách năm 2023.

2. Địa điểm: Tại phòng họp UBND thị trấn.

3. Thành phần;

Ông Trần Văn Tuấn	- Phó Bí thư Đảng ủy - CT UBND Thị trấn;
Ông Nguyễn Văn Thiết	- Phó CT HĐND tt;
Ông Phạm Văn Chiến	- Phó CT UBND tt;
Bà Nguyễn Thu Hằng	- CT MTTQtt;
Ông Cao Văn Đại	- Văn Phòng UBND - HĐND
Ông Nguyễn Mạnh Toàn	- CB Tài chính –Kế toán tt;

4. Nội dung làm việc:

- Ông Trần Văn Tuấn – Phó bí thư ĐU - CT UBND thị trấn thông qua nội dung làm việc buổi họp; kết quả công khai nội dung các bảng niêm yết theo quy định.

Ông Cao Văn Đại – Thông báo thông tin của cán bộ ,công chức khi xem bảng niêm yết về công khai tại phòng 1 của của UBND thị trấn.

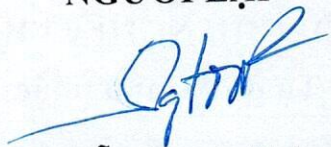
- Toàn thể CB,CC nhất trí với các nội dung bảng niêm yết về dự toán thu, chi ngân sách và kế hoạch đầu tư công 2023.

- Kết Luận :

- 100% ý kiến của toàn thể CB,CC trong UBND thị trấn nhất trí tán thành với bảng công khai trên không có đồng chí nào có ý kiến khác

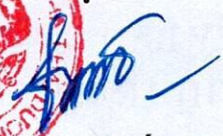
Biên bản lập xong hồi 14h 30 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua.

NGƯỜI LẬP

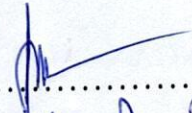

Nguyễn Mạnh Toàn

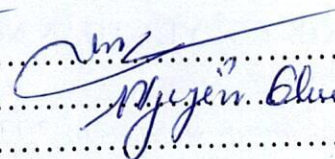


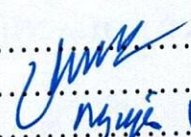
CHỦ TỊCH

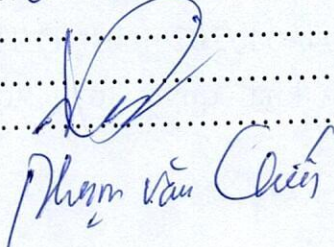

Trần Văn Tuấn

CÁC THÀNH VIÊN

 Cao Văn Đại

 Nguyễn Đức Hồng

 Nguyễn Văn Thiệu

 Phạm Văn Chiến